

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

HỌC PHÍ VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HKI/2014-2015, KHÓA TS 2014

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH (NH04)						
1	ITEC1401	Nhập môn tin học	4	200,000	800,000	Môn Định hướng học tập tổ chức chuyên đề cho SV 2014 theo lịch của khoa
2	ITEC1402	Cơ sở lập trình	5	200,000	1,000,000	
3	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
4	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
5	MATH1401	Toán cao cấp A1	4	170,000	680,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		22		4,010,000	
NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (NH05)						
1	ITEC1401	Nhập môn tin học	4	200,000	800,000	Môn Định hướng học tập tổ chức chuyên đề cho SV 2014 theo lịch của khoa
2	ITEC1402	Cơ sở lập trình	5	200,000	1,000,000	
3	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
4	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
5	MATH1501	Toán cao cấp (Khối kinh tế)	5	170,000	850,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		23		4,180,000	
NGÀNH CN KỸ THUẬT CT XÂY DỰNG (NH01)						
1	TECH1401	Vẽ kỹ thuật	4	200,000	800,000	Môn Định hướng học tập tổ chức chuyên đề cho SV 2014 theo lịch của khoa
2	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
3	MATH1401	Toán cao cấp (A1)	4	170,000	680,000	
4	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
5	POLI1201	Những NLCB Mác-Lênin P1	2	170,000	340,000	
6	CHEM1201	Hóa học đại cương	2	200,000	400,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		21		3,750,000	
NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG (NH04)						
1	MATH1301	Toán cao cấp (C1)	3	170,000	510,000	Môn Định hướng học tập tổ chức chuyên đề cho SV 2014 theo lịch của khoa
2	TECH1401	Vẽ kỹ thuật	4	200,000	800,000	
3	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
4	TECH1304	Cơ học lý thuyết (QLXD)	3	200,000	600,000	
5	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
6	POLI1201	Những NLCB Mác-Lênin P1	2	170,000	340,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		21		3,780,000	
NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC (NH07)						
1	BIOT1301	Thực vật học	3	200,000	600,000	
2	CHEM1501	Hóa học đại cương	5	200,000	1,000,000	
3	GENG1403	Tiếng Anh nâng cao1(CB3)K.2009	4	170,000	680,000	
4	MATH1402	Toán cao cấp (B1&B2)	4	170,000	680,000	
5	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	

6	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		25		4,490,000	
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (NH01)						
1	BADM1301	Quản trị học	3	170,000	510,000	
2	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
3	GLAW1201	Pháp luật đại cương	2	170,000	340,000	
4	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
5	MATH1301	Toán cao cấp C1	3	170,000	510,000	
6	EDUC1201	Kỹ năng học tập	2	170,000	340,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		19		3,230,000	
NGÀNH KẾ TOÁN (NH04)						
1	GLAW1201	Pháp luật đại cương	2	170,000	340,000	
2	MATH1301	Toán cao cấp (C1)	3	170,000	510,000	
3	EDUC1201	Kỹ năng học tập	2	170,000	340,000	
4	ECON1301	Kinh tế vi mô 1	3	170,000	510,000	
5	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
6	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		19		3,230,000	
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (NH02)						
1	MATH1301	Toán cao cấp (C1)	3	170,000	510,000	
2	COMP1401	Tin học đại cương	4	170,000	680,000	
3	EDUC1201	Kỹ năng học tập	2	170,000	340,000	
4	ECON1301	Kinh tế vi mô 1	3	170,000	510,000	
5	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
6	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		21		3,570,000	
NGÀNH LUẬT KINH TẾ (NH02)						
1	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
2	ACCO1201	Logic học	2	170,000	340,000	
3	COMP1401	Tin học đại cương	4	170,000	680,000	
4	BLAW1301	Lý luận NN và pháp luật 1	3	170,000	510,000	
5	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
6	SOCI1301	Xã hội học đại cương (NMXHH)	3	170,000	510,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		21		3,570,000	
NGÀNH KINH TẾ (NH03)						
1	ECON1301	Kinh tế vi mô	3	170,000	510,000	
2	COMP1401	Tin học đại cương	4	170,000	680,000	
3	MATH1303	Toán kinh tế 1	3	170,000	510,000	
4	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
5	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
6	GLAW1201	Pháp luật đại cương	2	170,000	340,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		21		3,570,000	
NGÀNH ĐÔNG NAM Á (NH05)						

1	GLAW1201	Pháp luật đại cương	2	170,000	340,000	
2	EDUC1204	Kỹ năng học ĐH & PPNCCKH (DNA)	2	170,000	340,000	
3	SEAS1202	Dẫn nhập DNA học	2	170,000	340,000	
4	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
5	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
6	COMP1401	Tin học đại cương	4	170,000	680,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		19		3,230,000	
NGÀNH XÃ HỘI HỌC (NH05)						
1	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
2	SOCI1201	Tâm lý học đại cương	2	170,000	340,000	
3	GLAW1201	Pháp luật đại cương	2	170,000	340,000	
4	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
5	COMP1401	Tin học đại cương	4	170,000	680,000	
6	BADM1301	Quản trị học	3	170,000	510,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		20		3,400,000	
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI (NH05)						
1	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
2	SOCI1201	Tâm lý học đại cương	2	170,000	340,000	
3	GLAW1201	Pháp luật đại cương	2	170,000	340,000	
4	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
5	COMP1401	Tin học đại cương	4	170,000	680,000	
6	BADM1301	Quản trị học	3	170,000	510,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		20		3,400,000	
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (NH03)						
1	COMP1401	Tin học đại cương	4	170,000	680,000	Môn Định hướng học tập tổ chức chuyên đề cho SV 2014 theo lịch của khoa
2	ENGL1301	Ngữ pháp	3	170,000	510,000	
3	ENGL1303	Luyện phát âm Anh - Mỹ	3	170,000	510,000	
4	ENGL1304	Nghe nói 1	3	170,000	510,000	
5	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
6	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		22		3,740,000	
NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT (NH03)						
1	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	Môn Định hướng học tập tổ chức chuyên đề cho SV 2014 theo lịch của khoa
2	JAPA1401	Tiếng Nhật tổng hợp 1	4	170,000	680,000	
3	COMP1401	Tin học đại cương	4	170,000	680,000	
4	JAPA1201	Kỹ năng nghe 1	2	170,000	340,000	
5	JAPA1202	Kỹ năng nói 1	2	170,000	340,000	
6	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
	Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí		21		3,570,000	
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC (NH03)						
1	CHIN1301	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	3	170,000	510,000	Môn Định hướng học tập tổ chức
2	CHIN1201	Kỹ năng nghe hiểu 1	2	170,000	340,000	
3	PEDU1201	Giáo dục thể chất 1 (ĐH)	2	170,000	340,000	

4	COMP1401	Tin học đại cương	4	170,000	680,000	to chức chuyên đề cho SV 2014 theo lịch của khoa
5	CHIN1202	Kỹ năng nói 1	2	170,000	340,000	
6	DEDU1701	Giáo dục quốc phòng	7	170,000	1,190,000	
7	CHIN1214	Bút pháp Hán tự	2	170,000	340,000	
Tổng số tín chỉ học kỳ 1/Học phí			22		3,740,000	

*** Các khoản thu khác gồm :**

1,440,000

+ BHYT:	290,000
+ BHTN (4 năm):	120,000
+ Khám sức khỏe:	40,000
+ Đồng phục thể dục:	110,000
+ Thẻ Sinh viên:	30,000
+ Tiền ăn, ở 3 tuần tại Long Bình, Xe đi lại:	850,000 (SV khoa CNSH không đóng khoản này)

*** Lịch học GDQP và GDTC**

- + NH01: Từ 20/10/2014 - 07/11/2014 (Tuần 1, 2, 3)
- + NH02: Từ 10/11/2014 - 28/11/2014 (Tuần 4, 5, 6)
- + NH03: Từ 01/12/2014 - 19/12/2014 (Tuần 7, 8, 9)
- + NH04: Từ 22/12/2014 - 09/01/2014 (Tuần 10, 11, 12)
- + NH05: Từ 12/01/2015 - 30/01/2015 (Tuần 13, 14, 15)
- + NH06: Từ 02/03/2015 - 20/03/2015 (HK2 - Tuần 20, 21, 22)
- + NH07: Từ 23/03/2015 - 10/04/2015 (HK2 - Tuần 23, 24, 25)